BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Số: 2657 /TB-ĐHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, hình thức vừa làm vừa học năm 2026 tại Trường Đại học Đồng Tháp

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm học phí, chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo tuyển sinh trình độ đại học, hình thức vừa làm vừa học năm 2026 tại Trường Đại học Đồng Tháp, cụ thể như sau:

I. Ngành tuyển sinh

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Loại hình đào tạo				Ghi chú
			Liên thông		Văn bằng hai	Vừa làm vừa học *(thí sinh THPT)*	
			Trung cấp lên Đại học	Cao đẳng lên Đại học			
1.	7340201	Tài chính – Ngân hàng	X	X	X	X	
2.	7340301	Kế toán	X	X	X	X	
3.	7340101	Quản trị kinh doanh	X	X	X	X	
4.	7440301	Khoa học môi trường		X	X	X	
5.	7480101	Khoa học máy tính	X	X	X	X	
6.	7620301	Nuôi trồng thủy sản	X	X	X	X	
7.	7620109	Nông học	X	X	X	X	
8.	7220201	Ngôn ngữ Anh		X	X	X	
9.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc		X	X	X	
10.	7310630	Việt Nam học		X	X	X	
11.	7229042	Quản lý văn hóa		X	X	X	
12.	7760101	Công tác xã hội	X	X	X	X	
13.	7850103	Quản lý đất đai	X	X	X	X	
14.	7340120	Kinh doanh quốc tế		X	X	X	
15.	7340403	Quản lý công		X	X	X	

Ký số tại DThU, xác thực chữ ký tại https://do.dthu.edu.vn/xac-nhan-ky-so

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Loại hình đào tạo				Ghi chú
			Liên thông		Văn bằng hai	Vừa làm vừa học *(thí sinh THPT)*	
			Trung cấp lên Đại học	Cao đẳng lên Đại học			
16.	7380101	Luật	X	X	X	X	
17.	7580201	Kỹ thuật xây dựng		X	X	X	
18.	7310403	Tâm lý học giáo dục		X	X	X	
19.	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		X	X	X	
20.	7420201	Công nghệ sinh học		X	X	X	
21.	7540101	Công nghệ thực phẩm	X	X	X	X	
22.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		X	X	X	
23.	7310501	Địa lý học		X	X	X	
24.	7480201	Công nghệ thông tin	X	X	X	X	

II. Thông tin tuyển sinh

1. Đối tượng tuyển sinh và nguồn tuyển

1.1. Đối tượng tuyển sinh

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

c) Người dự tuyển thuộc đối tượng quy định tại điểm a hoặc điểm b của tiểu mục này và có thêm bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp/cao đẳng/đại học (đúng chuyên ngành, cùng nhóm ngành hoặc khác nhóm ngành đào tạo).

1.2. Điều kiện dự tuyển

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Phần III của Thông báo này.

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

c) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và phí dự tuyển theo quy định.

1.3. Nguồn tuyển sinh

Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

2. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Danh sách tổ hợp môn xét tuyển (3 môn) ứng với ngành đào tạo do thí sinh đăng ký: Phụ lục đính kèm.

III. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Thí sinh đã tốt nghiệp THPT: ngưỡng đầu vào thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

2. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên: ngưỡng đầu vào là thí sinh xếp hạng tốt nghiệp từ loại trung bình trở lên.

IV. Tổ chức đào tạo

1. Thời gian đào tạo *(người học có thể đăng ký học vượt để được tốt nghiệp sớm hơn thời gian quy định).*

Stt	Đối tượng tuyển sinh	Thời gian đào tạo
1	Từ trung cấp đúng chuyên ngành lên đại học	3,0 năm
2	Từ trung cấp (cùng nhóm ngành hoặc khác nhóm ngành) lên đại học	3,5 năm
3	Từ cao đẳng đúng chuyên ngành lên đại học	2,0 năm
4	Từ cao đẳng (cùng nhóm ngành hoặc khác nhóm ngành) lên đại học	2,5 năm
5	Văn bằng hai đại học (cùng nhóm ngành hoặc khác nhóm ngành)	2,5 năm
6	Tốt nghiệp trung học phổ thông (ĐH)	4,0 năm

2. Tổ chức lớp học

Nhà trường tổ chức dạy học linh hoạt các buổi học của các ngày trong tuần và thứ bảy, chủ nhật bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến.

V. Hồ sơ đăng ký, hình thức nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Mỗi thí sinh làm 01 hồ sơ tuyển sinh theo mẫu quy định, trong đó, mỗi hồ sơ gồm có:

a) 01 phiếu đăng ký dự tuyển có dán ảnh 4x6 và có xác nhận của cơ quan quản lý đồng ý cho đi học (thí sinh có thể tải mẫu phiếu đăng ký dự tuyển tại đường link: https://lkdt-bdn.dthu.edu.vn/phieudangkydutuyen).

b) 01 bản photo có công chứng căn cước công dân.

c) 01 bản photo có công chứng văn bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp/cao đẳng/đại học.

d) 02 bản photo có công chứng bảng điểm toàn khóa trình độ trung cấp/cao đẳng/đại học.

đ) 01 bản photo có công chứng bằng tốt nghiệp THPT.

e) 01 bản photo có công chứng học bạ THPT.

2. Hình thức nộp hồ sơ: thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quy định tại mục 1 phần V, đến nộp tại Trường Đại học Đồng Tháp.

VI. Phí tuyển sinh

1. Định mức: 450.000đ/thí sinh.

2. Hình thức nộp phí tuyển sinh: Thí sinh thực hiện nộp lệ phí tuyển sinh về Trường Đại học Đồng Tháp theo thông tin sau:

- Số tài khoản: **667919393939**

- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp (PVcomBank).

- Cú pháp thực hiện: *ví dụ thí sinh tên Bình*

[Số CCCD] [Tên thí sinh] [số điện thoại] - PTS

Ví dụ: 08700000000X BINH 09XXXXXXXX - PTS

Lưu ý: Nhà trường không hoàn trả phí tuyển sinh và hồ sơ dự tuyển sau khi thí sinh đã hoàn tất việc nộp hồ sơ dự tuyển, vì vậy thí sinh cân nhắc kỹ trước khi đăng ký dự tuyển.

VII. Học phí đào tạo

1. Học phí: **16.500.000đ/sinh viên/năm**. Mức học phí này áp dụng chung đối với các lớp sinh viên cùng đối tượng tuyển sinh của cùng ngành đào tạo có tổng sĩ số từ 20 người trở lên và sẽ được **cố định toàn khóa học**. Trường hợp sĩ số thấp hơn 20 người, Nhà trường sẽ tăng mức thu học phí theo quy định.

2. Thí sinh trúng tuyển sẽ nộp học phí học kỳ I về tài khoản của Trường Đại học Đồng Tháp trong thời gian 02 tuần sau khi nhận thông báo trúng tuyển (Nhà trường sẽ ban hành văn bản hướng dẫn riêng).

3. Để ổn định quy mô lớp học, Nhà trường không hoàn trả học phí học kỳ I cho sinh viên sau khi đã hoàn tất thủ tục nhập học; nếu có nguyện vọng, sinh viên sẽ được chuyển kết quả tuyển sinh sang các đợt xét tuyển tiếp theo của năm 2026.

VIII. Chính sách ưu đãi

Giảm 5% học phí toàn khóa cho sinh viên vừa làm vừa học trúng tuyển năm 2026 nếu đóng học phí toàn khóa 01 lần trong học kỳ đầu tiên của khóa học.

IX. Tổ chức tuyển sinh và khai giảng

1. Thí sinh nộp hồ sơ: Trước ngày 01 các tháng xét tuyển.

2. Xét tuyển vào các tháng: tháng 6, 8, 9, 10, 12 năm 2026.

3. Tổ chức khai giảng/sinh hoạt quy chế: Trường Đại học Đồng Tháp công bố lịch khai giảng/làm thủ tục nhập học và sinh hoạt quy chế trước ngày 10 của tháng sau, sau khi tổ chức xét tuyển.

X. Mọi chi tiết xin liên hệ:

Trường Đại học Đồng Tháp: Trung tâm Liên kết đào tạo và Bồi dưỡng. Địa chỉ: số 783, đường Phạm Hữu Lầu, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, https://lkdt-bdn.dthu.edu.vn/, điện thoại: 0277.3 581.999, Zalo 0582 104 418./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị LKĐT;
- Công bố Website, DOffic
- Lưu: VT, TTLKĐT&BD (H.Nghị).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Hồ Sỹ Thắng

PHỤ LỤC
DANH SÁCH NGÀNH VÀ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

(đính kèm Thông báo số 2657 /TB-ĐHĐT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

1. Ngành tuyển sinh và mã tổ hợp xét tuyển

Stt	Mã xét tuyển/ Mã ngành	Tên chương trình/ Tên ngành	Môn chính	Mã tổ hợp xét tuyển
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh	D14, D01, D15, D13
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngữ văn	C00, C03, C04, D01, D14, D15
3	7229042	Quản lý văn hóa	Ngữ văn	C00, C03, X70, X74, C04, D14
4	7340403	Quản lý công	Toán	C03, X01, A00, A01, D01
5	7310403	Tâm lý học giáo dục	Ngữ văn	C00, X70, C04, C03, X74, D01
6	7310501	Địa lý học	Địa lý	A07, C00, X74, C04, D10, D15
7	7310630	Việt Nam học	Ngữ văn	C00, X70, C04, C03, X74, D01
8	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán	X01, A00, D10, D01, A01
9	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán	X01, A00, D10, D01, A01
10	7340301	Kế toán	Toán	X01, A00, D10, D01, A01
11	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán	X01, D01, A00, A01, D10
12	7380101	Luật	Ngữ văn	C00, C03, C04, X01, D01
13	7420201	Công nghệ sinh học	Toán	B00, B03, A02, C02, A00, D08
14	7440301	Khoa học môi trường	Toán	B03, C02, B00, D08, A00, D07
15	7480101	Khoa học máy tính	Toán	C01, D01, X02, A00, A01, A02
16	7480201	Công nghệ thông tin	Toán	C01, D01, X02, A00, A01, A02
17	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Toán	C01, A00, D01, C02, A01, X27
18	7540101	Công nghệ thực phẩm	Toán	B00, A00, B03, C02, D08, D07
19	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán	X03, C01, D01, C02, A00, A01
20	7620109	Nông học	Toán	B03, A00, C02, B00, D08, D07
21	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Toán	B03, A00, C02, B00, D08, D07
22	7760101	Công tác xã hội	Ngữ văn	C00, X70, X74, D14, X01
23	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	Toán	B03, A00, C02, D07, D08, B00
24	7850103	Quản lý đất đai	Toán	C01, B00, C02, A01, A00, D07

2. Tổ hợp môn xét tuyển

STT	Mã Tổ hợp	Tổ hợp môn
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Vật lí, Sinh học

4	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
5	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn
6	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
7	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học
8	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
9	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí
10	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
11	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
12	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh
13	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh
14	D13	Ngữ văn, Sinh học, Tiếng Anh
15	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
16	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
17	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
18	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học
19	X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp
20	X27	Toán, Công nghệ công nghiệp, Tiếng Anh
21	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
22	X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật